

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

306 ĐIỆN BIÊN PHỦ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103001723 ngày 17/07/2003 của Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và được thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 12 năm 2008

1. Hình thức sở hữu vốn

Cổ phần

Vốn điều lệ: 170,000,000,000 VNĐ

Trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam

306 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty:

Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam được thành lập với các chức năng hoạt động:

Dịch vụ ăn uống, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán rượu, thuốc lá nội. Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Mua bán thủy hải sản, nông sản thực phẩm. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Tổ chức hội chợ, triển lãm. Dịch vụ tư vấn đầu tư. Đại lý bán vé máy bay. Cho thuê mặt bằng. Cho thuê mặt bằng. Cho thuê bàn ghế, vật dụng phục vụ đám tiệc. Vận tải hành khách bằng xe taxi. Chăn nuôi (không chăn nuôi tại Tp.HCM). Trồng trọt. Sản xuất nước đá. Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Cho thuê kho. Sản xuất, mua bán hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan tại trụ sở). Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở). Hoạt động thể thao: tennis.

4. Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

5. Tổng số cán bộ, công nhân viên

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty: 7.641 người.

Trong đó: Nhân viên quản lý: 427 người.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán việt nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tại thời điểm 31/12/2008 Công ty chưa phát sinh công nợ phải thu khó đòi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Tại thời điểm 31/12/2008 công ty chưa phát sinh giảm giá trị hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7 năm

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cho mục đích cho thuê và thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản phải đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.
Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn
Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá không quá 12 tháng.
Chi phí trả trước dài hạn
Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí bảo hiểm xe,chi phí quảng cáo và công cụ dụng cụ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 2 năm.

10. Khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: trích trước lương T13 cho nhân viên, chi phí bán hàng, lãi vay phải trả,

12. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: ghi nhận khi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản.

Ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái: Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua Đại Hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	336,484,254	2,099,627,533
Tiền gửi ngân hàng	20,838,543,819	6,526,951,201
<i>Tiền gửi ngân hàng VNĐ</i>	<i>20,786,972,055</i>	<i>6,510,500,149</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng USD</i>	<i>51,571,764</i>	<i>16,451,052</i>
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	21,175,028,073	8,626,578,734

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	44,412,977,335	17,554,001,550
<i>Khách hàng trong nước</i>	<i>44,412,977,335</i>	<i>17,554,001,550</i>
Trả trước người bán	1,672,497,074	1,228,396,601
<i>Khách hàng trong nước</i>	<i>1,672,497,074</i>	<u><i>1,228,396,601</i></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

3. Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khác	6,979,999,047	9,834,379,810
Phải thu khác	6,979,999,047	9,834,379,810
<i>Bảo hiểm vật chất dân sự</i>	<i>2,255,415,218</i>	<i>1,675,908,174</i>
<i>BHXX, BHYT của tài xế</i>	<i>108,014,157</i>	<i>150,055,730</i>
<i>Thuế TNCN phải thu bổ sung</i>	<i>1,850,334,673</i>	<i>1,940,469,583</i>
<i>Công nợ vé máy bay</i>	<i>2,073,615,781</i>	<i>5,675,651,197</i>
<i>Phải thu công ty Thực Phẩm Miền Bắc</i>	<i>176,000,000</i>	<i>184,000,000</i>
<i>Lãi tiền ký quỹ phải thu</i>	<i>93,908,031</i>	
<i>Khác</i>	<i>422,711,187</i>	<i>208,295,126</i>
Dự phòng phải thu khó đòi (-)	(600,000,000)	(300,000,000)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	52,465,473,456	28,316,777,961

4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu		-
Công cụ, dụng cụ	1,050,857,419	278,718,408
Hàng hoá		-
Tổng cộng	1,050,857,419	278,718,408
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)		-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	1,050,857,419	278,718,408

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	5,871,050,215	7,904,422,864
Thuế GTGT được khấu trừ	29,891,495	12,016,329,551
Tài sản ngắn hạn khác	6,192,436,662	4,003,168,282
Tạm ứng	5,083,283,462	3,029,643,532
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,109,153,200	973,524,750
<i>Đặt cọc tiền thuê mặt bằng 306 ĐBP</i>	<i>310,000,000</i>	<i>310,000,000</i>
<i>Đặt cọc máy photo</i>	<i>9,000,000</i>	<i>8,000,000</i>
<i>Cọc phi Abacus</i>	<i>9,693,000</i>	
<i>Đặt cọc thuê mặt bằng Bình Dương</i>	<i>105,000,000</i>	
<i>Ký quỹ dịch vụ du học</i>	<i>81,230,000</i>	<i>81,230,000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

5. Tài sản ngắn hạn khác (tiếp theo)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản ngắn hạn khác		
Ký quỹ thanh toán Vé	500,000,000	500,000,000
Ký quỹ điểm tiếp thị	94,230,200	19,000,000
Ký quỹ Dịch vụ Tour Du lịch	-	55,294,750
Tổng Cộng	12,093,378,372	23,923,920,697

6. Các khoản phải thu dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu dài hạn khác	6,522,824,194	7,785,739,343
Thuế GTGT đầu vào thuê tài chính	6,356,337,460	7,603,307,882
Thuế GTGT đầu vào bảo hiểm xe	72,578,703	88,523,430
Phải thu khác	93,908,031	93,908,031
Tổng Cộng	6,522,824,194	7,785,739,343
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (-)		
Giá trị thuần các khoản phải thu dài hạn	6,522,824,194	7,785,739,343

7. Tài sản cố định hữu hình	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá	433,775,609	656,314,108	654,723,304,728	655,813,394,445
Số dư đầu năm	433,775,609	630,446,472	595,688,424,471	596,752,646,552
- Mua trong năm		25,867,636	64,161,014,617	64,186,882,253
- Tặng khác			19,489,223,866	19,489,223,866
- Thanh lý, nhượng bán			24,615,358,226	24,615,358,226
Số dư cuối năm	433,775,609	656,314,108	654,723,304,728	655,813,394,445
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	251,504,848	353,828,547	121,639,543,731	122,244,877,126
- Khấu hao trong năm	17,360,115	32,359,844	19,981,407,928	20,031,127,887
- Tặng khác			16,468,283,249	16,468,283,249
- Thanh lý, nhượng bán			20,970,241,987	20,970,241,987
Số dư cuối năm	268,864,963	386,188,391	137,118,992,921	137,774,046,275
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	182,270,761	302,485,561	533,083,760,997	533,568,517,319
Số dư cuối năm	164,910,646	270,125,717	517,604,311,807	518,039,348,170

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 481.328.181.050 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHŨ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

8. Tài sản cố định thuê tài chính				
	Thiết bị, dụng cụ	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm			204,946,231,192	204,946,231,192
- Thuê TC trong năm				
- Thanh lý hợp đồng thuê tài chính			19,489,223,866	19,489,223,866
Số dư cuối năm			185,457,007,326	185,457,007,326
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm			67,687,127,402	67,687,127,402
- Khấu hao trong năm			14,787,061,220	14,787,061,220
- Thanh lý hợp đồng thuê tài chính			16,468,283,247	16,468,283,247
Số dư cuối năm			66,005,905,375	66,005,905,375
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm			137,259,103,790	137,259,103,790
Số dư cuối năm			119,451,101,951	119,451,101,951

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án	1,167,510,693	1,203,979,054
Xây dựng nhà hàng tại Bình Thuận	35,806,784	35,806,784
Thiết kế + khảo sát xây dựng Nhà hàng Tân Đà	454,211,364	456,179,725
Thiết kế + khảo sát xây dựng khu C.Cư C Cấp Củ Chi	666,992,545	666,992,545
Giấy phép đo đạc nhà 32 THK	10,500,000	
Chi phí xây dựng chung cư Quận 8		45,000,000
Mua sắm TSCĐ	14,652,158,861	6,606,800
Xe (36 chiếc chưa hình thành TSCĐ)	14,035,826,661	
Thuế TB 29 xe chưa hình thành TSCĐ	609,725,400	
Bộ đàm xe(1 bộ)	6,606,800	6,606,800
Tổng cộng	15,819,669,554	1,210,585,854

10. Bất động sản đầu tư	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong kỳ	Tổng cộng
Nguyên giá	197,147,456,314	62,999,200		197,210,455,514
Quyền sử dụng đất	197,147,456,314	62,999,200	-	197,210,455,514
Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất				
Giá trị còn lại	197,147,456,314	-		197,210,455,514
Quyền sử dụng đất	197,147,456,314	-		197,210,455,514

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

10. Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Chi tiết bất động sản đầu tư như sau:

Quyền sử dụng đất diện tích 2.739m2, mặt tiền đường Trương Đình Hội, P.16, Quận 8, Tp.HCM.

Khối nhà diện tích 717,1 m2 tại 24 - 32 Thủ Khoa Huân, Quận 1, Tp.HCM.

Giá trị tài sản Bất động sản đầu tư trên đem thế chấp đảm bảo khoản vay là: **123.098.000.000** đồng.

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tên công ty đầu tư dài hạn khác	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí đầu tư	Chi phí đầu tư
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	2.22%	2,400,000,000	2,400,000,000
Cộng		2,400,000,000	2,400,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		-	-
Tổng Cộng		-	-

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	2,715,582,545	3,002,854,893
Bảo hiểm xe	671,407,427	1,125,213,846
Vật tư trùng tu	203,760,000	203,760,000
Phí tần số vô tuyến chưa phân bổ	88,835,000	
Cục tần số vô tuyến chưa phân bổ	200,200,000	42,795,000
BQ Window	352,488,621	
Đồng hồ Adsun	1,198,891,497	
Công cụ dụng cụ phân bổ		1,631,086,047
Tài sản dài hạn khác	5,320,142,468	5,488,800,000
Ký quỹ Vé máy bay Vietnam Airline	600,000,000	600,000,000
Ký quỹ lữ hành Quốc tế tại NH ACB	250,000,000	250,000,000
Ký quỹ Vé Máy bay Thailan Airline	286,000,000	286,000,000
Ký quỹ thuê tài chính Vietcombank	3762142468	3,784,800,000
Ký quỹ thuê tài chính Nh Nông nghiệp	422,000,000	568,000,000
Tổng Cộng	8,035,725,013	8,491,654,893

13. Nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	14,000,000,000	10,000,000,000
Vay ngắn hạn (Ngân hàng Công Thương)	14,000,000,000	10,000,000,000
Phải trả người bán	37,617,010,112	26,393,424,743
Nhà cung cấp trong nước	37,617,010,112	26,393,424,743

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

13. Nợ ngắn hạn (tiếp theo)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	666,901,104	190,682,707
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10,769,766,678	8,985,586,844
Thuế giá trị gia tăng	386,520,413	197,090,099
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,175,055,824	5,228,580,326
Thuế thu nhập cá nhân	208,190,441	3,559,916,419
Phải trả người lao động	3,555,656,881	13,264,048,143
Tiền lương	3,555,656,881	13,264,048,143
Chi phí phải trả	3,600,000,000	-
Trích trước lương T13/2009	3,600,000,000	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2,123,478,645	8,806,617,300
Bảo hiểm xã hội và BHYT	4,696,424	1,112,150,329
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		4,123,297,070
Nhận ký quỹ của khách hàng taxi card		4,123,297,070
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,118,782,221	3,571,169,901
Thuế thu nhập cá nhân	207,480,929	205,367,801
Tiền thu hộ vé máy bay phải trả	182,195,025	353,924,490
Quỹ hoạt động HĐQT và BKS	62,496,749	1,115,459,162
Hoa hồng tour du lịch		45,484,102
BHVC+DS	311,373,025	14,000,000
Cổ tức còn phải trả	122,832,000	1,491,903,313
Tiền thu hộ vé máy bay VN Airline	944,685,869	
Phải trả khác	287,718,624	345,031,033
Tổng Cộng	72,332,813,420	67,640,359,737

14. Nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác	38,315,780,790	31,117,282,000
Nhận ký quỹ của tài xế	33,441,663,000	31,117,282,000
Nhận ký quỹ của khách hàng taxi card	4,874,117,790	
Vay và nợ dài hạn	283,572,489,857	309,406,574,290
Vay dài hạn	214,723,849,179	226,978,264,904

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

306 ĐIỆN BIÊN PHỦ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)		
a. Ngân hàng TMCP Phương Đông	27,312,140,379	49,015,656,304
b. Ngân hàng TMCP Techcombank	14,944,000,000	18,076,000,000
c. Ngân hàng TMCP Á Châu		21,443,900,000
d. Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	16,467,708,800	19,442,708,600
e. Ngân hàng Công Thương	156,000,000,000	119,000,000,000
Nợ dài hạn	68,848,640,678	82,428,309,386
f. Thuê tài chính Công Ty Cho Thuê Tài Chính II NH Nông Nghiệp	488,450,405	688,374,666
g. Thuê tài chính Công Ty Cho Thuê Tài Chính NH ĐTPT	384,174,679	694,157,915
h. Thuê tài chính Công Ty Cho Thuê Tài Chính II Vietcombank	67,976,015,594	81,045,776,805
Tổng Cộng	321,888,270,647	340,523,856,290

15. Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của Vốn chủ sở hữu			
	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác			
- Vốn góp của các cổ đông sáng lập	30.03%	51,050,000,000	40,050,000,000
+ Ông Đặng Phước Thành	24.12%	41,000,000,000	30,000,000,000
+ Bà Ngô Thúy Vân	5.88%	10,000,000,000	10,000,000,000
+ Bà Đặng Thị Lan Phương	0.03%	50,000,000	50,000,000
- Vốn góp của các nhà đầu tư chiến lược	28.82%	49,000,000,000	49,000,000,000
+ Tổng công ty thương mại sài gòn	10.00%	17,000,000,000	17,000,000,000
+ Quỹ đầu tư Việt Nam (VIF)	8.82%	15,000,000,000	15,000,000,000
+ Công ty CP BH Nhân Thọ Prudential	5.00%	8,500,000,000	8,500,000,000
+ PCA international Funds SPC VN Seregated	5.00%	8,500,000,000	8,500,000,000
- Vốn góp của các nhà đầu tư khác	38.15%	64,850,000,000	76,862,300,000
. Cổ phiếu quỹ	3%	5,100,000,000	4,087,700,000
Tổng cộng	100%	170,000,000,000	170,000,000,000
Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, LN			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp đầu năm		170,000,000,000	170,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm			
Vốn góp giảm trong năm			
Vốn góp cuối năm		170,000,000,000	170,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		13,347,168,000	43,898,104,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	17,000,000	17,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	17,000,000	17,000,000
Cổ phiếu thường	17,000,000	17,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	510,000	408,770
Cổ phiếu thường	510,000	408,770
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16,490,000	16,591,230
Cổ phiếu thường	16,490,000	16,591,230
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu.	10,000	10,000

16. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	15,594,495,018	10,858,341,430
Quỹ dự phòng tài chính	7,797,247,509	5,429,170,715
Tổng cộng	23,391,742,527	16,287,512,145

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển: Tái đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính: Phòng ngừa những biến động bất thường về tài chính.

Nguồn kinh phí và quỹ khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	3,500,284,031	2,670,314,212
Quỹ khen thưởng	1,108,971,074	2,252,240,499
Quỹ phúc lợi	2,391,312,957	418,073,713

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động dịch vụ	483,193,286,491	370,133,203,294
Cộng	483,193,286,491	370,133,203,294
Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ hàng bán bị trả lại	-	
Doanh thu thuần	483,193,286,491	370,133,203,294
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	483,193,286,491	370,133,203,294
2. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động dịch vụ	396,856,223,309	321,189,531,676
Cộng	396,856,223,309	321,189,531,676

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn	171,390,945	1,574,183,163
Cộng	171,390,945	1,574,183,163

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	18,729,852,250	8,342,660,307
Cộng	18,729,852,250	8,342,660,307

5. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng	2,170,484,967	1,904,941,774
Tổng Cộng	2,170,484,967	1,904,941,774

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,565,427,427	12,367,039,065
Cộng	17,565,427,427	12,367,039,065

7. Thu nhập khác

Thu thanh lý tài sản cố định	51,868,459,976	20,075,241,360
Thu nhập khác	713,801,499	128,937,133
Cộng	52,582,261,475	20,204,178,493

8. Chi phí khác

Giá trị còn lại của tài sản cố định	37,305,065,351	2,347,647,392
Chi phí khác	171,171,092	200,000
Cộng	37,476,236,443	2,347,847,392

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63,148,714,515	45,759,544,736
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	63,148,714,515	45,759,544,736
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	15,787,178,629	12,812,672,526
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15,787,178,629	12,812,672,526
Kỳ này	Kỳ trước	

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47,361,535,886	32,946,872,210
--	----------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
306 ĐIỆN BIÊN PHÚ , Q. BÌNH THẠNH, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2009

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận chia cho đơn vị hợp tác kinh doanh	-	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	47,361,535,886	32,946,872,210
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16,490,000	16,591,230
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,872	1,986
Những thông tin khác.		
Thông tin khác		

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2009

Võ Thị Minh Thư	Đặng Hoàng Sang	Đặng Thị Lan Phương
Kế toán Tổng hợp	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm 2009	170,000,000,000	328,396,000,000	(7,517,804,750)	10,858,341,430	5,429,170,715	25,517,587,574	532,683,294,969
- Lợi nhuận sau thuế Quý I/2009						17,107,548,301	17,107,548,301
- Chia lợi nhuận cho đối tác kinh doanh						(140,000,000)	(140,000,000)
- Mua cổ phiếu quỹ			(1,806,876,140)				
- Tăng khác						50,000,000	50,000,000
- Số dư cuối Quý I/2009	170,000,000,000	328,396,000,000	(9,324,680,890)	10,858,341,430	5,429,170,715	42,535,135,875	549,700,843,270
- Số dư đầu quý II năm 2009	170,000,000,000	328,396,000,000	(9,324,680,890)	10,858,341,430	5,429,170,715	42,535,135,875	547,893,967,130
- Lợi nhuận sau thuế Quý II/2009						30,253,987,588	30,253,987,588
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(7,104,230,382)	(7,104,230,382)
- Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu				4,736,153,588	2,368,076,794	(7,104,230,382)	-
- Quỹ hoạt động HĐQT và BKS						(947,230,718)	(947,230,718)
- Chia cổ tức cho cổ đông						(13,192,000,000)	(13,192,000,000)
- Chia lợi nhuận cho đối tác kinh doanh						(312,000,000)	(312,000,000)
- Giảm khác						(50,000,000)	(50,000,000)
- Số dư cuối quý II năm 2009	170,000,000,000	328,396,000,000	(9,324,680,890)	15,594,495,018	7,797,247,509	44,079,431,981	556,542,493,618